

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH 10
Năm học 2021-2022**

Tiền Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2021

MÔN NGỮ VĂN

(Có Đề thi tham khảo kèm theo)

I. Hình thức đề thi: Tự luận

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(Văn bản lấy ngoài chương trình, mang tính thời sự, mức độ phù hợp với học sinh lớp 9)

Câu 1: Nhận biết.

Câu 2: Thông hiểu.

Câu 3: Vận dụng.

Câu 4: Vận dụng.

Câu 3 và 4 hỏi dựa vào đoạn đọc hiểu phía trên.

PHẦN II: LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ việc đọc hiểu đoạn trích, hãy viết một đoạn văn (khoảng 01 trang giấy thi) để bàn về một vấn đề đặt ra trong đoạn đọc hiểu phía trên.

Câu 2. (5,0 điểm)

Viết bài làm văn nghị luận văn học về các tác phẩm trong chương trình Ngữ văn 9 (**trừ những bài đọc thêm, văn học nước ngoài và phần tình giản chương trình của Bộ**)

II. Nội dung thi:

- Thực hiện theo những quy định và hướng dẫn ở Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (khôi lớp 9), Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn năm 2014.

- **Tuyển sinh 10 đại trà năm 2021 – 2022 nội dung là phần giao nhau giữa chương trình của mô hình trường học cũ với chương trình của mô hình trường học mới.**

- **Do tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp, môn Ngữ văn giới hạn ra đề câu 2 phần Làm văn trong các tác phẩm sau:**

+ **Đồng chí (Chính Hữu)**

+ **Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)**

+ **Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)**

+ **Viếng lăng Bác (Viễn Phương)**

+ **Sang thu (Hữu Thỉnh)**

- Mức độ:

BIẾT	3/10
HIỂU	7/10
VẬN DỤNG và VẬN DỤNG CAO	

-Thi tuyển sinh lớp 10 chuyên Ngữ văn:

- Hình thức đề thi và nội dung thi: như Thi tuyển sinh vào lớp 10 đại trà.
- Mức độ:

BIẾT	2/10
HIỂU	8/10
VẬN DỤNG và VẬN DỤNG CAO	

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10

Năm học 2021-2022

ĐỀ THAM KHẢO

Môn thi: **NGŨ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút

(không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau đây:

Những ngày gần đây, nhiều nước trên thế giới và cả Việt Nam đang phải đối mặt với dịch bệnh viêm phổi cấp do virus corona gây ra. Giữa thời điểm dịch có nguy cơ lan rộng và bùng phát toàn cầu, Bộ Y tế khuyến cáo người dân nên đeo khẩu trang y tế khi đến nơi đông người.

Lợi dụng điều này, không ít hiệu thuốc đã đẩy giá khẩu trang y tế lên gấp 3, gấp 5 và thậm chí gấp 10 lần khiến người dân gặp khó khăn trong việc tìm mua. Tuy nhiên, nhiều tổ chức, cá nhân cũng đã phát khẩu trang miễn phí cho người đi đường để đối phó với dịch bệnh nguy hiểm này.

Mới đây, cậu bé 11 tuổi có tên Andy Đào Nguyên đã dùng 10 triệu đồng tiền lì xì của mình để mua khẩu trang y tế phát tặng mọi người. Trước đó, Andy từng nhiều lần cùng mẹ phát khẩu trang miễn phí tại đường Lý Tự Trọng, Q.1, TP HCM. Nhận thấy số lượng trên vẫn chưa đủ, cậu bé quyết định tự mình bỏ tiền ra để mua thêm.

Với nhiều đứa trẻ, 10 triệu là một số tiền khá lớn nhưng với Andy, sức khỏe của cộng đồng mới là thứ quan trọng hơn cả. Cậu chia sẻ: “Con muốn mọi người cùng hiểu mỗi nguy hại từ dịch cúm do virus corona, nâng cao ý thức phòng, chống dịch bệnh. Tiền lì xì để dành cũng không có nghĩa gì khi người dân bị mỗi nguy về sức khỏe”.

Không chỉ phát miễn phí, Andy còn cùng những nhân viên, đồng nghiệp của mẹ mình hướng dẫn người qua đường cách đeo khẩu trang đúng cách, giữ vệ sinh nơi công cộng nhằm tránh lây nhiễm dịch bệnh viêm phổi cấp do virus corona gây ra. Được biết, khi trường cho nghỉ thêm 1 tuần để tránh dịch, cậu bé đã dành thời gian để giúp đỡ cộng đồng...

(Cậu bé 11 tuổi dành hết tiền lì xì mua khẩu trang phát miễn phí, Nguồn <http://tiin.vn/chuyen-muc/song>, 04-02-2020)

Thực hiện các yêu cầu:

1. Nêu những việc làm của cậu bé 11 tuổi có tên Andy Đào Nguyên .
2. Thông tin trong văn bản giúp anh/chị hiểu thêm điều gì về hiện tượng tốt-xấu, đúng-sai... trong cuộc sống?
3. Anh/chị hiểu như thế nào về nhận xét: Với nhiều đứa trẻ, 10 triệu là một số tiền khá lớn nhưng với Andy, sức khỏe của cộng đồng mới là thứ quan trọng hơn cả?

4. Những lời chia sẻ của cậu bé Andy Đào Nguyên gợi anh/chị suy nghĩ gì ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Dựa vào nội dung trong phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn khoảng 01 trang giấy thi bày tỏ suy nghĩ ý nghĩa của những việc làm thiện nguyện trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích nhân vật **anh thanh niên** trong truyện ngắn “**Lặng lẽ Sa Pa**” của nhà văn Nguyễn Thành Long.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:.....

MÔN TIẾNG ANH

CÓ KÈM THEO QUI ĐỊNH PHẦN CHUNG – PHẦN RIÊNG CỦA

CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH HỆ 7 NĂM, HỆ 10 NĂM

(Có Đề thi tham khảo kèm theo)

I. Thi tuyển lớp 10 phổ thông:

1. Hình thức đề thi:

- Trắc nghiệm khách quan hoàn toàn (không có phần nghe)
- Làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm của hội đồng thi phát và chấm bằng máy.

2. Thời gian làm bài: 60 phút

3. Mức độ:

BIẾT (Knowing)	3/10
HIỂU (Understanding)	7/10
VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO (Applying/Analyzing/Synthesizing and Evaluating)	

4. Nội dung đề thi: Là chương trình Tiếng Anh lớp 9, đề thi gồm có 40 câu. Mỗi câu 0,25 điểm. Có phần chung và phần riêng.

a) PHẦN CHUNG: 6 điểm (Bắt buộc): Là phần giao kiến thức của 2 chương trình: hệ 7 năm và hệ 10 năm.

- Kiểu câu hỏi trong đề thi:

- + Dấu nhấn: **Word Stress**;
- + Phát âm: **Pronunciation**;
- + Từ loại/Ngữ nghĩa: Loại ra 1 từ không cùng nhóm – **Odd one out**;
- + Ngữ pháp, Từ vựng, Chức năng giao tiếp, Đọc hiểu: Các MCQs dạng A, B, C, D về **Grammar, Vocabulary, Functional Language, Reading Comprehension**.

Cụ thể như sau:

KIẾN THỨC	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
Ngữ âm	2 câu -----> 0,5 đ	Word Stress : Chọn từ có dấu nhấn chính khác những từ còn

KIẾN THỨC	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
		lại.
	2 câu -----> 0,5 đ	Pronunciation : Chọn từ có phần được gạch chân phát âm khác những từ còn lại.
Ngữ nghĩa, Từ loại	2 câu -----> 0,5 đ	Odd one out : Chọn từ khác chủ đề hoặc có từ loại khác những từ còn lại.
Chức năng giao tiếp	2 câu -----> 0,5 đ	Grammar, Vocabulary, Functional Language : Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành hoặc trả lời câu hỏi.
Từ vựng	4 câu -----> 1,0 đ	
Ngữ pháp	6 câu -----> 1,5 đ	
Đọc hiểu	6 câu -----> 1,5 đ	Reading Comprehension : (MCQs) Chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi / hoàn thành câu.

b) PHẦN RIÊNG: 4 điểm (Tự chọn)

- Là kiến thức riêng của từng chương trình;

- Học sinh có quyền **CHỌN** phần riêng của bất kỳ chương trình nào: Phần riêng dành cho **chương trình tiếng Anh hệ 7 năm** **HAY** Phần riêng dành cho **chương trình tiếng Anh hệ 10 năm**. Cụ thể như sau:

KIẾN THỨC	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
Đọc hiểu	8 câu -----> 2,0 đ	Reading Comprehension : (Gap-filling) Chọn phương án đúng nhất để điền vào chỗ trống.
	4 câu -----> 1,0 đ	Error identification: Chọn 1 trong 4 yếu tố A, B, C, D được gạch chân mà không đúng tiếng Anh chuẩn
Viết	2 câu -----> 0,5 đ	Sentence transformation: Chọn 1 trong 4 chọn lựa A, B, C, D là viết lại câu không đổi nghĩa của câu đề bài
	2 câu -----> 0,5 đ	Sentence completion: Chọn 1 trong 4 chọn lựa A, B, C, D để hoàn thành câu đúng tiếng Anh chuẩn

Lưu ý quan trọng:

- Trắc nghiệm và tự luận phát đề một lượt.
- Phân biệt kiến thức phân chung và phân riêng chương trình **tiếng Anh lớp 9 hệ 7 năm và lớp 9 hệ 10 năm**

(Phần chung và phần riêng ở Phụ lục 1; Đề thi tham khảo ở Phụ lục 2 có đính kèm)

Phụ lục 1

PHẦN CHUNG VÀ PHẦN RIÊNG

(Có điều chỉnh theo tinh giản chương trình học kỳ II năm học 2019-2020)

A. PHẦN CHUNG (Bắt buộc: 6 điểm)

I. NGỮ ÂM, NGỮ PHÁP:

1. NGỮ ÂM: Tất cả từ tần suất sử dụng cao, có liên quan trong 2 chương trình hệ 7 năm và hệ 10 năm.

2. NGỮ PHÁP:

- Clauses of reason
- Clauses of concession
- Clauses of result
- Relative clauses/ (Không ra đề phần **Non**-defining relative clauses)
- Adjective+that clause
- Conditionals type 1, 2
- Modals
- Phrasal verbs
- Suggest+V+-ing/that Clause
- **Passive Voice**
- **Wish clauses for the present**
- **Basic tenses**
- **Parts of speech**
- **Reported speech**
- Connectives
- Comparisons: equals, comparatives, superlatives.
- (Không ra đề phần Quantifiers)

- (Không ra đề phần Articles)

- Basic prepositions

II. ĐỌC HIỂU:

1. **The Environment** - Local environment

2. Countries – Tourism, Wonders of Vietnam

3. Learning a foreign language

4. Celebrations, clothing – Recipes and eating habits

5. Life on other planets – Space Travel

B. PHẦN RIÊNG (4 điểm) (Thí sinh CHỌN 1 trong 2 chương trình: hệ 7 năm HAY hệ 10 năm để làm bài tiếp theo)

I. ĐỌC HIỂU:

Chương trình hệ 7 năm:

1. FRIENDS

2. THE COUNTRYSIDE

2. THE MEDIA

3. SAVING ENERGY

4. NATURAL DISASTERS

Chương trình hệ 10 năm:

1. CITY LIFE

2. LIFE IN THE PAST

3. VIETNAM: THEN AND NOW

4. CHANGING ROLES IN SOCIETY

5. MY FUTURE CAREER

6. (Không ra đề phần VIẾT LUẬN)

Phụ lục 2
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỶ THI TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TỈNH TIỀN GIANG Năm học 2021-2022

ĐỀ THAM KHẢO

Môn thi: TIẾNG ANH

*(Đề thi có 06 trang, gồm 40 câu
trắc nghiệm)*

*Thời gian làm bài: 60 phút
(không kể thời gian phát đề)*

Mã đề: 301

Đề thi có 2 phần: Phần chung và Phần riêng

- **Phần chung:** Bắt buộc cho cả 2 chương trình: Làm từ câu 1 đến câu 24. (Sau đó làm tiếp phần riêng)

- **Phần riêng:** Chọn 1 trong 2 chương trình:

+ Thí sinh chọn hệ 7 năm làm tiếp từ câu 25 đến câu 40;

+ Thí sinh chọn hệ 10 năm làm tiếp từ câu 41 đến câu 56.

Lưu ý: Bài làm chọn cả 2 chương trình sẽ không được chấm.

I. PHẦN CHUNG (bắt buộc cho cả 2 chương trình: Từ câu 1 đến câu 24): (6.0 points)

Questions 1-2: Pick out the word that has the underlined syllable pronounced differently from the others: (0.5 point)

Question 1. A. boys **B.** groups C. rooms D. words

Question 2. A. second B. sorry C. sunny **D.** sugar

Questions 3-4: Pick out the word that has the main stressed syllable pronounced differently from the others: (0.5 point)

Question 3. A. country B. music **C.** police D. woman

Question 4. **A.** begin B. follow C. happen D. visit

Questions 5-6: Pick out the word that is of the different topic (or part of speech) from the others: (0.5 point)

Question 5. A. city **B.** language C. region D. village

Question 6. A. differ **B.** letter C. offer D. wander

Questions 7-18: Pick out ONE best option to complete each of the following sentences:

(3.0 points)

Question 7. Teacher: _____

Student: I am 14 years old.

A. How are you? **B.** How old are you? C. Where are you? D. Who are you?

Question 8. A place of interest is a _____ and famous place in the countryside.

A. beauty **B.** beautiful C. beautify D. beautifully

Question 9. What is the best _____ in Singapore?

A. attraction B. attract C. attractive D. attracted

Question 10. Noise _____ comes from the traffic and from construction sites.

A. pollute B. polluted **C.** pollution D. pollutedly

Question 11. Ann is interested _____ history.

A. about B. for **C.** in D. to

Question 12. The roads _____ and we are stuck in a traffic jam.

A. crowd B. crowding **C.** are crowded D. crowds

Question 13. In my class, English _____ by Mr. Bean.

A. teaching B. taught C. is teaching **D.** is taught

Question 14. People _____ the city of London a long time ago.

A. is building B. builds **C.** built D. will have

Question 15. Young men can get jobs _____ after leaving schools.

A. ease B. easy **C.** easily D. uneasy

Question 16. _____ the sun was shining, it wasn't very warm.

A. Although B. Because C. So D. That

Question 17. My parents told me that _____ the following day.

A. we will visit you B. we will visit me C. they will visit you **D.** they would visit me

Question 18. Man: I am sorry.

Woman: _____ .

- A. I am here B. Yes, please C. No, thanks **D.** That's all right

Questions 19-24: Read the passage below then pick out ONE best option (A, B, C or D) to complete each of the following sentences: (1.5 points)

“How can I learn English well?” This is a question many students ask. In my opinion, the most effective way is to learn lessons by heart. If you can recite the text and write it out, you've learned it fairly well. And if you can tell, in your own words, what the lesson says you're a very successful learner indeed. Your English will be quite perfect.

This is a difficult task. However, if you try to learn by heart only part of each lesson, you'll find it not half so hard as you might have thought.

Learning this way, you will make rapid progress. Of course, writing is also necessary. It helps you a lot on your way to success in English.

What is equally important is **to feel the language**. You should be able to laugh at *jokes* and be shocked at bad news. When using English, try to forget your *mother tongue*. Instead of helping you, your own language gets in your way. So, never try to see English through translation.

(English Reading comprehension MCQs, Giao duc Publishing House)

Question 19. According to the writer, the most effective way in learning English is _____ .

- A.** to practice speaking, writing and feeling it
B. to forget your own native language
C. to translate everything into his own language
D. to copy the English words and grammar rules

Question 20. In “What is equally important is to feel the language.”, “*To feel the language*” means _____ .

- A. to get knowledge of English by touching
B. to be able to read and write English
C. to translate English into your own by imagining
D. to experience the rich meaning of the language

Question 21. In “You should be able to laugh at *jokes* and be shocked at bad news.”, “*jokes*” means _____ .

- A. clothing shows **B.** funny stories C. love songs D. sad news

Question 22. In “When using English, try to forget your *mother tongue*.”, “*mother tongue*” means _____.

- A. lovely Mum B. part of the mouth C. foreign language **D.** first language

Question 23. When using English, try to _____.

- A. see English through translation **B.** forget your mother tongue
C. think in your own language D. translate English into your own

Question 24. What is the best title for the passage?

- A. English cities B. English culture **C.** English learning D. English people

II. PHẦN RIÊNG (Tự chọn): (4.0 points) - Thí sinh chọn 1 trong 2 chương trình
(Thí sinh chọn hệ 7 năm làm tiếp từ câu 25 đến câu 40; Thí sinh chọn hệ 10 năm làm tiếp từ câu 41 đến câu 56. Lưu ý: Bài làm cả 2 chương trình sẽ không được chấm.)

A. CHƯƠNG TRÌNH HỆ 7 NĂM: *(Thí sinh chọn hệ 7 năm làm tiếp từ câu 25 đến câu 40. Lưu ý: Bài làm cả 2 chương trình sẽ không được chấm.)*

Questions 25-32: Pick out ONE best option (A, B, C or D) to fill in each numbered blank, completing the meaning of the passage: (2.0 points)

For centuries, poets, writers and musicians (25) _____ the *ao dai* in poems, novels and songs. The *ao dai* is the traditional (26) _____ of Vietnamese women. It consists of a long silk tunic that is slit on the sides and worn over loose pants. Traditionally, it was frequently worn by both men and women. The design and material used for men were (27) _____ from those used for women. Nowadays, women usually (28) _____ it, especially on special occasions. However, many Vietnamese women today often prefer to wear modern clothing at work, (29) _____ it is more convenient.

Now fashion (30) _____ want to change the traditional *ao dai*. Some have printed lines of poetry on the *ao dai*, so they look modern and very fashionable. Other designers have taken inspiration from Vietnam’s ethnic minorities. They have visited villages and studied traditional designs and symbols (31) _____ suns, stars, crosses, and stripes. They have added these patterns to the *ao dai*, so Vietnamese women can continue to wear the unique dress, which is now (32) _____ traditional and fashionable.

(English 9, 7-year Curric, p.13, 14, Giao duc Publishing House)

- Question 25. A. mention B. is mentioning **C.** have mentioned D. are mentioning
- Question 26. A. coat **B.** dress C. shirt D. skirt
- Question 27. A. alike **B.** different C. same D. unlike
- Question 28. A. report B. tell **C.** wear D. work
- Question 29. **A.** because B. but C. though D. unless
- Question 30. A. doctors **B.** designers C. engineers D. workers
- Question 31. A. because of B. in spite of C. so that **D.** such as
- Question 32. A. as **B.** both C. either D. or

Questions 33-36: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions: (1.0 point)

Question 33. In fact, Sue and Peter don't like news, does it?

A B C **D** --> do they

Question 34. She asked me that I lived.

A **B** C D --> where

Question 35. My Mum dislikes to watch sports but my Dad does.

A **B** C D --> watching

Question 36. I wish I am tall enough to get a job in the police.

A B C D --> were

Questions 37-38: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions: (0.5 point)

Question 37. You must do this exercise carefully.

A. You must be done this exercise carefully. B. You can be done this exercise carefully.

C. This exercise must be done carefully. D. This exercise must do carefully.

Question 38. She said, "This birthday cake is delicious."

A. She said if the birthday cake was delicious.

B. She said that the birthday cake was delicious.

C. She said what the birthday cake was delicious.

D. She said where the birthday cake was delicious.

Questions 39-40: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best completes each of the following questions: (0.5 point)

Question 39. If you want to get good grades, you _____.

- A. study hard
- B. must study hard
- C. cannot study hard
- D. don't study hard

Question 40. I give you my telephone number _____.

- A. so you can call me
- B. although you can call me
- C. to you call me
- D. that you to call me

_____ (Hết phần làm bài của hệ 7 năm) _____

B. CHƯƠNG TRÌNH HỆ 10 NĂM: (Thí sinh chọn hệ 10 năm làm tiếp từ câu 41 đến câu 56. Lưu ý: Bài làm cả 2 chương trình sẽ không được chấm.)

Questions 41-48: Pick out ONE best option (A, B, C or D) to fill in each numbered blank, completing the meaning of the passage: (2.0 points)

Living in a city has a (41) _____ of drawbacks. Firstly, there is the problem of traffic jams and traffic accidents. The increase in population and the increasing number of vehicles have caused many accidents (42) _____ every day. Secondly, air pollution negatively affects people's health, and it also has a bad influence on the environment. More and more city dwellers (43) _____ from coughing or breathing problems. Thirdly, the city is (44) _____, even at night. Noise pollution comes from the traffic and from construction sites. Buildings are always being knocked down and rebuilt. These factors contribute to making city life more (45) _____ for its residents.

London is one of (46) _____ cities in the world. Its population is a lot smaller than Tokyo or Shanghai, but it is by far the most popular tourist attraction. London is probably most famous for its museums, galleries, palaces, and other sights, but it also includes a wider range of peoples, cultures, and religions than many (47) _____ places. People used to say that it was the dirtiest city too, (48) _____ it is now much cleaner than it was. To the surprise of many people, it now has some of the best restaurants in Europe too. For some people, this makes London the most exciting city in Europe.

(English 9 – 10-year Curric, p.20, 23, Giao duc Publishing House)

- Question 41. A. amount B. few C. lots **D. number**
Question 42. A. happen B. happening **C. to happen** D. happened
Question 43. A. have B. like **C. suffer** D. wait
Question 44. A. cool **B. noisy** C. quiet D. silent
Question 45. **A. difficult** B. easy C. good D. well
Question 46. A. as large B. so large C. larger **D. the largest**
Question 47. A. another **B. other** C. others D. the other
Question 48. A. and **B. but** C. or D. when

Questions 49-52: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions: (1.0 point)

Question 49. The city has recently set out a library in the West Suburb.

A B **C** D -> up

Question 50. I suggest recycle things such as bags, cans and bottles to save the earth.

A B C D
-> recycling

Question 51. If I were you, I will get some sleep.

A **B** C D -> would

Question 52. I wish I can learn more about other people's traditions.

A B C D -> could

Questions 53-54: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions (0.5 point)

Question 53. “Where can I get those traditional crafts?” Nick wondered.

A. Nick wondered where to get the traditional crafts.

B. Nick asked I to get the traditional crafts.

C. Nick asked where she got the traditional crafts.

D. Nick wondered me to get the traditional crafts.

Question 54. People say she works 16 hours a day.

A. People say to work 16 hours a day. B. People say they work for her 16 hours a day.

C. It is said that she works 16 hours a day. D. It is said that to work 16 hours a day.

Questions 55-56: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best completes each of the following questions (0.5 point)

Question 55. Tuberculosis – TB _____ .

A. uses to kill a lot of people

B. use to kill a lot of people

C. used to kill a lot of people

D. used to killing a lot of people

Question 56. Rickshaws are _____ .

A. quicker taxis

B. quicker as taxis

C. quicker than taxis

D. as quick than taxis

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:

..

Hết phần Đề thi Tuyển 10 phổ thông

II. Thi tuyển lớp 10 chuyên:

- Hình thức đề thi: Trắc nghiệm (**có phần trắc nghiệm nghe hiểu**) + tự luận.
- Thời gian làm bài: 150 phút
- Mức độ:

BIẾT (Knowing)	1/10
HIỂU (Understanding)	9/10
VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO (Applying, Analyzing, Synthesizing and Evaluating)	

- Nội dung kiểm tra: Chủ yếu là chương trình Tiếng Anh lớp 9, đề thi gồm có **50** câu và 1 bài viết luận. Theo cấu trúc sau:

LOẠI HÌNH KIỂM TRA	KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN	Nghe hiểu	8 câu -----> 1,0 đ	Listening : MCQs (Nghe CD và chọn A, B, C, D)
		8 câu -----> 1,0 đ	Listening : CLOZE TEST (Nghe CD và điền từ/cụm từ vào chỗ trống)
	Ngữ âm	2* câu -----> 0,5 đ	Word Stress : (Chọn từ có dấu nhấn chính khác những từ còn lại.)
		2* câu -----> 0,5 đ	Pronunciation :

LOẠI HÌNH KIỂM TRA	KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
<p>(Trong đó</p> <p>Word Form, Verb Tense & Form, Sentence Transformation là tự luận;</p> <p>Writing là viết bài luận;</p> <p>Các phần còn lại là trắc nghiệm)</p>			(Chọn từ có phần được gạch chân phát âm khác những từ còn lại)
	Ngữ nghĩa, từ loại	2* câu -----> 0,5 đ	Odd one out : (Chọn từ khác chủ đề hoặc có từ loại khác những từ còn lại)
	Từ vựng, ngữ pháp, chức năng giao tiếp	2* câu -----> 0,5 đ	Word Form : (Viết từ loại đúng của từ được cho)
		2* câu -----> 0,5 đ	Verb Tense & Form : (Chia thì và/hoặc hình thức đúng của động từ)
		4* câu -----> 1,0 đ	Sentence Transformation: (Viết lại câu không đổi nghĩa)
		4* câu -----> 1,0 đ	Matching: (Ghép đôi)
	Đọc hiểu	8 câu -----> 1,0 đ	Reading Comprehension – Open Gap - Filling (Đọc đoạn văn và điền 1 từ, không cho sẵn, đúng nhất vào mỗi chỗ trống)
		8 câu -----> 1,0 đ	Reading Comprehension - Answers

LOẠI HÌNH KIỂM TRA	KIẾN THỨC, KỸ NĂNG	SỐ CÂU & ĐIỂM	LOẠI HÌNH CÂU HỎI
			(Đọc đoạn văn và chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi / hoàn thành câu)
	Viết	1 bài -----> 1,5 đ	Writing : (Viết một đoạn văn ngắn hoặc bài luận (khoảng 200 từ) về một chủ đề)

Ghi chú:

- Đối với thi tuyển lớp 10 chuyên, trắc nghiệm và tự luận phát đề một lượt.
- Chuẩn tiếng Anh căn cứ các bộ Từ điển lớn có uy tín được giới học thuật ESL và EFL công nhận như: (Từ điển *Oxford Advanced Learners' Dictionary*, Từ điển *Cambridge Advanced Learners' Dictionary*, Từ điển *Meriam-Webster Learners' Dictionary*, Từ điển *Macmillan English Dictionary for Advanced Learners*, Từ điển *Longman Dictionary of Contemporary English*, Từ điển *Random House Dictionary*, Từ điển *Collins English Dictionary*, ...)
- Những chỗ có dấu* là có thay đổi số câu; cấu trúc này có 50 câu+ 1 bài viết luận, thay đổi so với trước đây (cấu trúc lúc trước là 68 câu)./.

MÔN TOÁN

(Có Đề thi tham khảo kèm theo)

□ Thi vào lớp 10 công lập:

1. Hình thức thi : Tự luận
2. Thời gian làm bài: 120 phút
3. Nội dung ôn tập:

Cần lưu ý các vấn đề sau:

A. Đại số:

- Tính giá trị một biểu thức chứa căn bậc hai.
- Làm mất căn ở mẫu của biểu thức chứa căn bậc hai.
- Sử dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
- So sánh căn bậc hai.
- Giải phương trình chứa căn bậc hai dạng $\sqrt{A} = \sqrt{B}$; $\sqrt{A} = B$.
- Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai.
- Tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất.
- Viết các dạng phương trình đường thẳng: Qua 1 điểm và biết hệ số góc, qua 1 điểm và biết tung độ góc, qua 2 điểm, qua 1 điểm và song song với một đường thẳng cho trước.
- Vẽ đồ thị hàm số: $y = ax + b$.
- Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng, phương pháp thế.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, lập phương trình bậc hai (dạng chuyển động hoặc dạng hình học).
- Giải phương trình bậc hai, qui về bậc hai.
- Định lý Vi-et (tính giá trị biểu thức đối xứng giữa các nghiệm của phương trình bậc hai).
- Vẽ đồ thị hàm số : $y = ax^2$.

* Chú ý: Được sử dụng công thức tính khoảng cách giữa hai điểm

$$AB = \sqrt{(x_B - x_A)^2 + (y_B - y_A)^2}$$

B. Hình học:

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.
- Tính tỉ số lượng giác của một góc nhọn.

- Tính giá trị của biểu thức có tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Chứng minh một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn.
- Chứng minh các điểm cùng nằm trên một đường tròn (có thể dùng kiến thức về tứ giác nội tiếp).
- Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.
- Vị trí tương đối của hai đường tròn.

4. Cấu trúc đề thi: gồm 5 bài toán

Bài 1: Căn bậc hai.

Bài 2: Đường thẳng, phương trình, hệ phương trình,

Bài 3: Bài toán về hàm số bậc nhất, parabol $y = ax^2$.

Bài 4: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình bậc hai (dạng chuyển động hoặc dạng hình học).

Bài 5: Hình học phẳng.

▣ Thi vào lớp 10 chuyên Toán:

1. Hình thức thi : Tự luận

2. Thời gian làm bài: 150 phút

3. Nội dung ôn tập:

3.1. Số học: Chỉ cho các dạng toán đơn giản về hợp số, số nguyên tố, số chính phương, chia hết.

3.2. Đại số: Chỉ cho các dạng toán vận dụng thấp, **bám sát** chương trình đại số lớp 9.

Chú ý:

a) Không cho các dạng vận dụng cao như thi học sinh giỏi Toán văn hoá;

b) Không lấy các bài Toán thi THPT Quốc gia chỉnh sửa lại.

- Giải phương trình, hệ phương trình chứa căn thức

- Sự tương giao của đường thẳng và parabol (hay đường thẳng)

- Về bất đẳng thức chỉ sử dụng kiến thức:

$$+ A \geq B \Leftrightarrow A - B \geq 0$$

+ Bất đẳng thức AM-GM cho hai số không âm.

- Bài toán tìm giá trị lớn nhất (hay giá trị nhỏ nhất) chỉ cho mức độ vận dụng thấp ở phần ứng dụng của định lý Viet.

3.3. Hình học: Chỉ cho các dạng toán vận dụng, **bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

Chú ý:

a) Không cho các dạng vận dụng cao thi học sinh giỏi Toán văn hoá;

- b) Không lấy các bài Toán thi học sinh giỏi văn hoá, lưu ý thêm:
- Có câu hỏi dễ;
 - Câu hỏi khó phải có định hướng trước đó để làm phần nền giúp học sinh giải quyết câu hỏi khó;
 - Không cho dạng toán yêu cầu quá cao, lạ với đa số học sinh;
 - Hạn chế cho dạng toán vẽ đường phụ mà đường phụ này không dễ gì học sinh phát hiện được (không theo qui luật vẽ đường phụ ở THCS).

4. Cấu trúc đề thi: gồm 4 bài toán

Bài 1 (3,0 điểm): Đại số

- Căn thức;
- Phương trình;
- Hệ phương trình (không có tham số).

Bài 2 (3,0 điểm): Đại số

- Đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai, sự tương giao;
- + Phương trình bậc hai và định lý Viet.
+ Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số.

(tìm giá trị lớn nhất (hay giá trị nhỏ nhất) chỉ cho đơn giản ở phần ứng dụng của định lý Viet).

Bài 3 (1,0 điểm): Số học

Hợp số, số nguyên tố, số chính phương, chia hết.

Bài 4 (3,0 điểm): Hình học

- Câu hỏi cơ bản (dễ);
 - Câu hỏi dẫn dắt học sinh chuẩn bị kiến thức nền làm câu hỏi khó;
 - Câu hỏi khó.
- Kiến thức: Chỉ cho các dạng toán vận dụng, **bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

□ **Thi vào lớp 10 chuyên Tin:**

1. Hình thức thi : Tự luận

2. Thời gian làm bài: 150 phút

3. Nội dung ôn tập:

3.1. Đại số: **Cho các dạng toán từ cơ bản đến nâng cao (chú ý không nâng cao như đề chuyên toán) bám sát** chương trình đại số lớp 9.

- Tính giá trị một biểu thức chứa căn bậc hai.
- Làm mất căn ở mẫu của biểu thức chứa căn bậc hai.

- Sử dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = |A|$
- So sánh căn bậc hai.
- Giải phương trình chứa căn bậc hai dạng $\sqrt{A} = \sqrt{B}$; $\sqrt{A} = B$.
- Rút gọn một biểu thức chứa căn bậc hai.
- Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.
- Tính đồng biến, nghịch biến của hàm số bậc nhất.
- Viết các dạng phương trình đường thẳng: Qua 1 điểm và biết hệ số góc, qua 1 điểm và biết tung độ góc, qua 2 điểm, qua 1 điểm và song song với một đường thẳng cho trước.
- Vẽ đồ thị hàm số: $y = ax$; $y = ax + b$; $y = b$; $x = a$.
- Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng, phương pháp thế.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
- Giải phương trình bậc hai, quy về bậc hai .
- Vẽ đồ thị hàm số $y = ax^2$.
- Bài toán về sự tương giao giữa đường thẳng và parabol.
- Định lý Viét và các hệ thức đối xứng giữa các nghiệm.
- Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc hai.
- Xác định tham số m thỏa điều kiện.
- * Chú ý: công thức tính khoảng cách giữa hai điểm

$$AB = \sqrt{(x_B - x_A)^2 + (y_B - y_A)^2}$$

3.2. Hình học: **Cho các dạng toán từ cơ bản dẫn dắt đến nâng cao** (chú ý không nâng cao như đề chuyên toán) **bám sát** chương trình Hình học lớp 9 (không cho tìm tập hợp điểm, quỹ tích)

- Hệ thức lượng trong tam giác vuông.
- Tính tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Tính giá trị của biểu thức có tỉ số lượng giác của một góc nhọn.
- Chứng minh một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn.
- Chứng minh các điểm cùng nằm trên một đường tròn.
- Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.
- Vị trí tương đối của hai đường tròn.

3.3 Số học: Biết công thức \overline{ab} , \overline{abc} , \overline{abcd} ,... như: $\overline{ab} = 10a + b$,...; tìm a,b,c,... để làm bài toán đại số giải phương trình, hệ phương trình

4. Cấu trúc đề thi: gồm 4 bài toán

Bài 1 (3,0 điểm): Đại số

a) Căn thức:

- Rút gọn biểu thức $P(x)$;
- Tìm x để $P(x) = \text{const}$;
- Chứng minh $P(x) \geq \text{const}$; $P(x) \leq \text{const}$;

b) Phương trình:

- Xác định tham số m phương trình bậc 2 vô nghiệm, nghiệm kép, có 2 nghiệm, 2 nghiệm âm, 2 nghiệm dương.

c) Hệ phương trình dạng biến đổi về tổng, tích.

Bài 2 (3,0 điểm): Đại số

a) Đồ thị hàm số bậc nhất, bậc hai, sự tương giao;

b) - Phương trình bậc hai và định lí Viet.

- Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức đại số.

c) Xác định tham số m thỏa điều kiện (dựa đồ thị hoặc phương trình hoành độ giao điểm);

Bài 3 (1,0 điểm): Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình, phương trình.

Bài 4 (3,0 điểm): Hình học

a) Câu hỏi cơ bản;

b) Câu hỏi dẫn để học sinh chuẩn bị kiến thức nên làm câu hỏi khó;

c) Câu hỏi khó (*không nâng cao như đề chuyên toán*).

+ Kiến thức: **Các dạng toán từ cơ bản dẫn dắt đến nâng cao** (*không nâng cao như đề chuyên toán*) **bám sát** chương trình Hình học lớp 9.

ĐỀ THAM THẢO

(Đề thi có 02 trang, gồm 05 bài)

Thời gian làm bài: 120 phút
(không kể thời gian phát đề)

Bài I. (1,5 điểm)

1. Tính giá trị biểu thức $A = \frac{\sqrt{10} - 5}{\sqrt{5} - \sqrt{2}} - \sqrt{(\sqrt{5} - 3)^2}$.

2. Cho biểu thức $P = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x} + 3} + \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x} - 3} - \frac{3x + 9}{x - 9}$, với $x^3 > 0$ và $x \neq 9$.

a) Rút gọn biểu thức P .

b) Tìm x để $P < \frac{3}{4}$.

Bài II. (2,5 điểm)

1. Giải các phương trình và hệ phương trình sau:

a) $3x^2 + x - 4 = 0$. b) $x^4 + 8x^2 - 9 = 0$. c) $\begin{cases} -2x + y = 1 \\ 5x - y = 2 \end{cases}$.

2. Viết phương trình đường thẳng (d) có tung độ góc bằng -2 và đi qua điểm $M(2;6)$.

Bài III. (1,5 điểm)

Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho parabol (P): $y = 2x^2$.

a) Vẽ đồ thị của (P).

b) Bằng phép tính, hãy tìm tọa độ điểm thuộc (P) (khác gốc tọa độ O) sao cho điểm này có tung độ gấp ba lần hoành độ.

Bài IV. (1,5 điểm)

Một người đi xe đạp từ A đến B cách nhau 24 km. Khi từ B trở về A người đó tăng vận tốc thêm 4 km so với lúc đi, vì vậy thời gian về ít hơn thời gian đi 30 phút. Tính vận tốc của xe đạp khi đi từ A đến B .

Bài V. (3,0 điểm)

1. Cho tam giác ABC vuông tại B có $AC = 10$ cm và $BC = 8$ cm. Tính giá trị của biểu thức $P = 3 \tan A + 5 \sin C - 4$.

2. Cho đường tròn (O), đường kính AB và một điểm M ở trên đường tròn ($M \neq A, M \neq B$) sao cho $MA > MB$. Gọi N là điểm đối xứng với A qua M ,

đường thẳng BN cắt đường tròn tại điểm thứ hai C . Gọi D là giao điểm của AC và BM .

a) Chứng minh $AB \perp DN$.

b) Gọi E là điểm đối xứng với D qua M . Chứng minh EA tiếp xúc với đường tròn (O) .

c) Chứng minh NE tiếp xúc với đường tròn tâm B , bán kính BA .

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng các loại máy tính cầm tay do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TIỀN GIANG

ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO

(Đáp án có 04 trang)

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10

Năm học 2021-2022

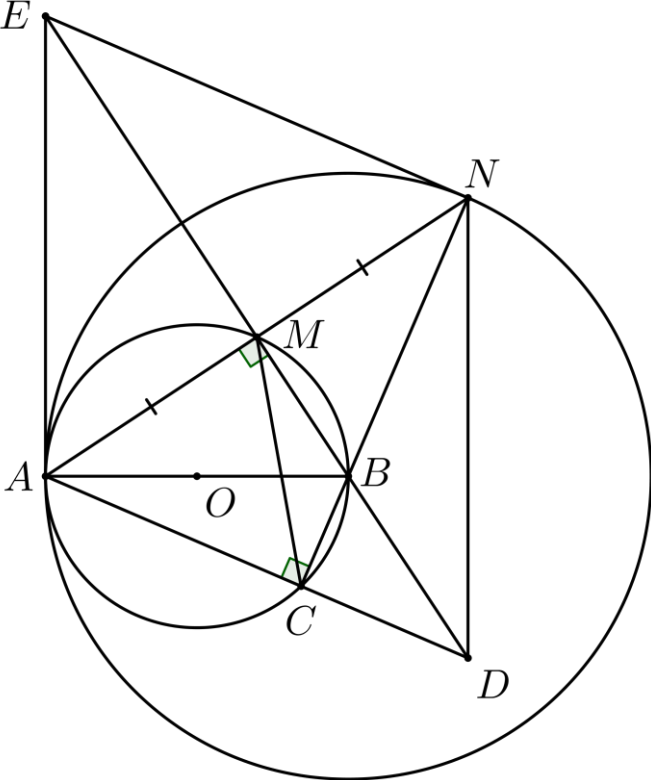
Môn thi: TOÁN

Đáp án và thang điểm :

Bài	Nội dung	Điểm
Bài I (1,5 điểm)	1. Tính giá trị của biểu thức $A = \frac{\sqrt{10} - 5}{\sqrt{5} - \sqrt{2}} - \sqrt{(\sqrt{5} - 3)^2}$.	
	$A = \frac{\sqrt{5}(\sqrt{2} - \sqrt{5})}{\sqrt{5} - \sqrt{2}} - \sqrt{5} - 3 $ $A = -\sqrt{5} - (3 - \sqrt{5}) = -3.$	0,25đ 0,25đ
	2. a) Rút gọn:	
	$P = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x+3}} + \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x-3}} - \frac{3x+9}{x-9}, \text{ với } x^3 \neq 0 \text{ và } x^1 \neq 9.$	
	$P = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x+3}} + \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x-3}} - \frac{3x+9}{x-9}$ $= \frac{\sqrt{x}(\sqrt{x-3}) + 2\sqrt{x}(\sqrt{x+3}) - 3x - 9}{(\sqrt{x-3})(\sqrt{x+3})}$ $= \frac{x - 3\sqrt{x} + 2x + 6\sqrt{x} - 3x - 9}{(\sqrt{x-3})(\sqrt{x+3})}$ $= \frac{3\sqrt{x} - 9}{(\sqrt{x-3})(\sqrt{x+3})} = \frac{3(\sqrt{x} - 3)}{(\sqrt{x-3})(\sqrt{x+3})} = \frac{3}{\sqrt{x+3}}.$	0,25đ 0,25đ

	<p>2. b)</p> $P < \frac{3}{4} \hat{U} \frac{3}{\sqrt{x+3}} < \frac{3}{4} \hat{U} \sqrt{x+3} > 4$ $\hat{U} \sqrt{x} > 1 \hat{U} x > 1.$ <p>Kết hợp điều kiện, để $P < \frac{3}{4}$ thì $x > 1$ và $x^1 > 9$.</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
<p>Bài II. (2,5 điểm)</p>	<p>1. Giải các phương trình và hệ phương trình sau:</p> <p>a) $3x^2 + x - 4 = 0.$</p> <p>Vì $a + b + c = 3 + 1 - 4 = 0$ nên phương trình có hai nghiệm phân biệt</p> $x_1 = 1 \text{ và } x_2 = \frac{c}{a} = -\frac{4}{3}.$	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
	<p>b) $x^4 + 8x^2 - 9 = 0.$</p>	
	<p>Đặt $t = x^2$; ($t \geq 0$).</p>	0,25đ
	<p>Khi đó phương trình trở thành: $t^2 + 8t - 9 = 0$</p> <p>Giải phương trình được: $t_1 = 1$ (nhận); $t_2 = -9$ (loại).</p>	0,25đ
	<p>Từ đó giải được $x = \pm 1.$</p> <p>Tập nghiệm của phương trình đã cho là $S = \{-1; 1\}.$</p>	0,25đ
	<p>c) $\begin{cases} -2x + y = 1 \\ 5x - y = 2 \end{cases} \hat{U} \begin{cases} -2x + y = 1 \\ 3x = 3 \end{cases}$</p> $\hat{U} \begin{cases} x = 1 \\ y = 3 \end{cases}.$ <p>Vậy tập nghiệm của hệ phương trình là: $S = \{(1; 3)\}.$</p>	0,25đ
	<p>2. Viết phương trình đường thẳng (d) có tung độ góc bằng -2 và đi qua điểm $M(2; 6).$</p> <p>Phương trình đường thẳng (d) có tung độ góc bằng -2 có dạng $y = ax - 2.$</p> <p>Vì đường thẳng (d): $y = ax - 2$ qua $M(2; 6)$ nên</p> $6 = a.2 - 2$	0,25đ

	Suy ra: $a = 4$. Vậy (d): $y = 4x - 2$.	0,25đ 0,25đ												
Bài III (1,5 điểm)	III. a) Vẽ parabol (P): $y = 2x^2$. - HS tìm ít nhất 5 điểm thuộc (P) đúng; <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tbody> <tr> <td>x</td> <td>- 2</td> <td>- 1</td> <td>0</td> <td>1</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>$y = 2x^2$</td> <td>8</td> <td>2</td> <td>0</td> <td>2</td> <td>8</td> </tr> </tbody> </table> - HS vẽ đúng (P).	x	- 2	- 1	0	1	2	$y = 2x^2$	8	2	0	2	8	0,5đ 0,5đ
	x	- 2	- 1	0	1	2								
$y = 2x^2$	8	2	0	2	8									
	b) Bằng phép tính, hãy tìm tọa độ điểm thuộc (P) (khác gốc tọa độ O) sao cho điểm này có tung độ gấp ba lần hoành độ. Gọi $A(a;b)$ là điểm cần tìm (với $a, b \neq 0$). Vì điểm A có tung độ gấp ba lần hoành độ nên $b = 3a$. Khi đó $A(a;3a)$. Mà điểm A thuộc (P) nên $3a = 2a^2$ $\hat{U} \begin{cases} a(2a - 3) = 0 \\ a = 0 \\ a = \frac{3}{2} \end{cases} \Rightarrow a = \frac{3}{2} \text{ (do } a \neq 0 \text{)}.$ Vậy $A\left(\frac{3}{2}; \frac{9}{2}\right)$	0,25đ 0,25đ												
Bài IV. (1,5 điểm)	Gọi x (km/h) là vận tốc của xe đạp khi đi từ A đến B ($x > 0$). $30 \text{ phút} = \frac{1}{2} \text{ giờ}$. Thời gian của xe đạp khi đi từ A đến B là $\frac{24}{x}$ (giờ).	0,25đ												
	Vận tốc của xe đạp khi đi từ B về A là $x - 4$ (km/h). Thời gian của xe đạp khi đi từ B về A là $\frac{24}{x - 4}$ (giờ).	0,25đ 0,25đ												
	Theo đề bài ta có phương trình $\frac{24}{x} - \frac{24}{x - 4} = \frac{1}{2}$.	0,25đ												
	Giải phương trình trên, ta được $x = 12$ (nhận).	0,25đ												
	Vậy vận tốc xe đạp khi đi từ A đến B là 12 (km/h).	0,25đ												
Bài V. (3,0)	1. Cho tam giác ABC vuông tại B có $AC = 10 \text{ cm}$ và													

<p>điểm)</p>	<p>$BC = 8$ cm. Tính giá trị của biểu thức $P = 3\tan A + 5\sin C - 4$.</p> <p>$\triangle ABC$ vuông tại B có $AB^2 + BC^2 = AC^2$ (Định lý Pitago)</p> <p>Û $AB^2 + 8^2 = 10^2$. Suy ra $AB = 6$ cm.</p> <p>Khi đó $P = 3\tan A + 5\sin C - 4 = 3 \cdot \frac{BC}{AB} + 5 \cdot \frac{AB}{AC} - 4$</p> <p>$= 3 \cdot \frac{8}{6} + 5 \cdot \frac{6}{10} - 4 = 3$.</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
	<p>2. Hình vẽ đúng</p> 	<p>0,25đ</p>
	<p>a) Chứng minh $AB \perp DN$.</p> <p>Đường tròn (O) đường kính AB có $M, C \in (O)$ nên</p> $\angle AMB = \angle ACB = 90^\circ.$ <p>Tam giác AND có NC và DM lần lượt là hai đường cao và NC cắt DM tại B suy ra B là trực tâm của tam giác AND. Vậy $AB \perp DN$.</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p>
	<p>b) Gọi E là điểm đối xứng với D qua M. Chứng minh EA tiếp xúc với đường tròn (O).</p> <p>Xét tứ giác $ADNE$ có M là trung điểm của AN và DE</p>	

	<p>Suy ra $ADNE$ là hình bình hành Suy ra $AE \parallel DN$. Mà $AB \perp DN$ (cmt) Suy ra $AB \perp AE$. Vậy AE là tiếp tuyến của đường tròn (O).</p>	<p>0,25đ 0,25đ 0,25đ</p>
	<p>c) Chứng minh NE tiếp xúc với đường tròn tâm B, bán kính BA. Ta có $EN \parallel AD$ (do $ADNE$ là hình bình hành). Mà $AD \perp NB$ (B là trực tâm tam giác AND) Suy ra $EN \perp NB$ (1). Mặt khác $BN = BA$ (B nằm trên đường trung trực của AN) Suy ra N nằm trên đường tròn tâm B bán kính BA (2). Từ (1) và (2) suy ra EN là tiếp tuyến của đường tròn tâm B bán kính AB.</p>	<p>0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ</p>

----- HẾT -----

MÔN VẬT LÝ

❑ **Thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Vật lý**

a). Hình thức, thời lượng: Tự luận hoàn toàn, 150 phút.

b). Tỉ lệ các mức độ trong đề thi

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1,0/10	1,0/10	4,0/10	4,0/10

c). Cấu trúc (10 điểm): Có 5 bài tập.

Chủ đề	Nội dung kiến thức	Số bài
Dòng điện không đổi	Từ tiết 1 đến tiết 21 (theo phân phối chương trình) (Bài 1 đến bài 20 SGK)	2 bài tập
Quang hình học	Từ tiết 46 đến tiết 61 (theo PPCT) (Bài 40 đến bài 51 SGK)	1 bài tập
Nhiệt học	Phần nhiệt học lớp 8 nâng cao	1 bài tập
Cơ học	Phần cơ học lớp 8 nâng cao	1 bài tập

Cụ thể:

- Điện học (4,0 điểm): 2 bài.
 - + Bài 1 (2,0 điểm): Biết + Hiểu
 - + Bài 2 (2,0 điểm): Vận dụng + Vận dụng cao
- Quang hình học (2,0 điểm): 1 bài.
 - + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)
- Nhiệt học (2,0 điểm): 1 bài.
 - + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)
- Cơ học (2,0 điểm): 1 bài.
 - + Vận dụng (1,0); + Vận dụng cao (1,0)

Chú ý:

- Điện học: Không ra nguồn điện, không ra phân điện từ học.
- Quang hình học: Cho một **thấu kính hội tụ**, không ghép thấu kính, có di chuyển thấu kính, di chuyển vật, di chuyển màn chắn. **Không có bài tập về mắt**. Được sử dụng công thức về thấu kính khi giải bài tập có liên quan (đề thi không giới hạn cách giải bằng công thức hay bằng phương pháp hình học).
- Cơ học: Chuyển động cơ học bao gồm tốc độ, chuyển động đều, chuyển động không đều, lực ma sát.

c) Nội dung: Toàn chương trình Vật lí 9 (bỏ phần Từ nhưng phải dạy máy biến thế và truyền tải điện năng đi xa); phần nhiệt học lớp 8 có nâng cao và phần cơ học lớp 8 có nâng cao.

Học sinh học theo chương trình “Trường học mới” cũng theo cấu trúc và nội dung này nếu muốn thi vào lớp 10 chuyên Vật Lý.

MÔN HÓA HỌC

□ Thi vào lớp 10 chuyên Hóa:

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Hình thức đề thi: Tự luận.

3. Các mức độ đánh giá

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ	20%	30%	30%	20%

4. Nội dung đề thi:

- Nội dung đề thi: toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Hóa học 8, 9 hiện hành, có phần kiến thức nâng cao, những nội dung giảm tải.

- Yêu cầu:

+ Kiến thức: phần kiến thức hóa vô cơ chiếm 60%, phần kiến thức hóa hữu cơ chiếm 40%. Có thể lồng ghép kiến thức hữu cơ và vô cơ trong cùng một câu hỏi.

+ Đề thi có câu hỏi kiểm tra kiến thức thực hành thí nghiệm và câu hỏi kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn đánh giá năng lực học sinh (chiếm 20%).

+ Ở mức độ vận dụng cao: nội dung kiến thức hóa vô cơ chiếm 10%, nội dung kiến thức hóa hữu cơ chiếm 10%.

+ Câu hỏi kiểm tra lý thuyết chiếm 60%, câu hỏi kiểm tra kỹ năng tính toán chiếm 40%.

+ Những câu hỏi vận dụng nâng cao, mở rộng nếu nội dung kiến thức không có trong chương trình Hóa học 8, 9 hiện hành thì phải cung cấp thêm thông tin về kiến thức mới.

+ Không kiểm tra các nội dung không đảm bảo tính thực tế hoặc không phù hợp đã được hướng dẫn thực hiện điều chỉnh theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT như: các dạng bài tập tính toán liên quan đến phản ứng hóa học giữa ion Al^{3+} với ion OH^- tạo $Al(OH)_3$ kết tủa rồi kết tủa tan trong OH^- dư, hoặc các dạng bài tập tính toán liên quan đến phản ứng hóa học giữa ion AlO_2^- với ion H^+ tạo $Al(OH)_3$ kết tủa rồi kết tủa tan trong H^+ dư, tính chất xeton,...

MÔN SINH HỌC

□ Thi vào lớp 10 Chuyên Sinh:

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Hình thức đề thi:

- * Hoàn toàn bằng tự luận.
- * Chỉ có **một đề duy nhất**, bắt buộc đối với tất cả mọi thí sinh.
- * Có khoảng 7 đến 10 câu hỏi, trong mỗi câu có một số câu hỏi nhỏ (hoặc không).
- * Điểm toàn bài là 10,00. Thang điểm cụ thể cho mỗi câu hỏi – tương ứng với khối lượng nội dung của từng câu – sẽ được **ghi cụ thể trong đề thi theo tỉ lệ**.

Phần	Chương	Số điểm	Số điểm	Tổng điểm
		Lý thuyết	Vận dụng (Bài tập/giải quyết vấn đề thực tiễn)	
Di truyền học (7,0điểm)	Chương 1: Các thí nghiệm của Mendel	0,5	0,5	1,0
	Chương 2: Nhiễm sắc thể	0,5	0,5	1,0
	Chương 3: ADN và gen	0,5	1,0	1,5
	Chương 4: Biến dị	0,75	0,5	1,25
	Chương 5: Di truyền học người	0,75	0,5	1,25
	Chương 6: ứng dụng di truyền học	1,0	0	1,0
Sinh vật và môi trường (3,0điểm)	Chương 1: Sinh vật và môi trường	0,75	0	0,75
	Chương 2: Hệ sinh thái	0,75	0,5	1,25
	Chương 3: Con người, dân số và môi trường	0	0,5	0,5
	Chương 4: Bảo vệ môi trường	0	0,5	0,5
Tổng		5,5	4,5	10,0

3. Nội dung ôn tập (ra đề):

- * Nội dung đề thi sẽ giới hạn trong **toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Sinh học 9 hiện hành**.

* Mức độ:

- Biết: 2,5 điểm.
- Hiểu: 3,0 điểm.
- Vận dụng: 2,5 điểm.
- Vận dụng cao: 2,0 điểm.

* Về hình vẽ: Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.

* Bài tập:

- 1/ Lai một và hai cặp tính trạng;
- 2/ Nhiễm sắc thể - nguyên phân – giảm phân;
- 3/ ADN và gen; ARN; Prôtêin
- 4/ Di truyền phả hệ.

□ Thi vào lớp 10 Môn Sinh học:

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Hình thức đề thi:

- * Hoàn toàn bằng tự luận.
- * Chỉ có **một đề duy nhất**, bắt buộc đối với tất cả mọi thí sinh.
- * Có khoảng 7 đến 10 câu hỏi, trong mỗi câu có một số câu hỏi nhỏ (hoặc không).
- * Điểm toàn bài là 10,00. Thang điểm cụ thể cho mỗi câu hỏi – tương ứng với khối lượng nội dung của từng câu – sẽ được **ghi cụ thể trong đề thi theo tỉ lệ**.

Phần	Chương	Số điểm Lý thuyết	Số điểm Vận dụng (Bài tập/giải quyết vấn đề thực tiễn)	Tổng điểm
Di truyền học (7,0điểm)	Chương 1: Các thí nghiệm của Mendel	0,5	0,5	1,0
	Chương 2: Nhiễm sắc thể	0,5	0,5	1,0
	Chương 3: ADN và gen	0,5	1,0	1,5
	Chương 4: Biến dị	0,5	0,5	1,0
	Chương 5: Di truyền học người	0,5	0,5	1,0
	Chương 6: ứng dụng di	1,0	0	1,0

Phần	Chương	Số điểm Lý thuyết	Số điểm Vận dụng (Bài tập/giải quyết vấn đề thực tiễn)	Tổng điểm
	truyền học			
Sinh vật và môi trường (3,0điểm)	Chương 1: Sinh vật và môi trường	0,75	0	0,75
	Chương 2: Hệ sinh thái	0,75	0,5	1,25
	Chương 3: Con người, dân số và môi trường	0,5	0,25	0,75
	Chương 4: Bảo vệ môi trường	0,5	0,25	0,75
Tổng		6,0	4,0	10,0

3. Nội dung ôn tập (ra đề):

* Nội dung đề thi sẽ giới hạn trong *toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Sinh học 9 hiện hành.*

* Mức độ:

- Biết: 4,5 điểm.
- Hiểu: 3,0 điểm.
- Vận dụng: 1,5 điểm.
- Vận dụng cao: 1,0 điểm.

* Về hình vẽ: Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.

* Bài tập:

- 1/ Lai một và hai cặp tính trạng;
- 2/ Nhiễm sắc thể - nguyên phân – giảm phân;
- 3/ ADN và gen; ARN; Prôtêin
- 4/ Di truyền phả hệ.

MÔN ĐỊA LÝ

□ Thi vào lớp 10 chuyên Địa lý:

1. Thời gian làm bài: 150 phút.

2. Hình thức thi: Tự luận (6 câu hỏi).

I. PHẦN KIẾN THỨC:

- **Câu 1:** Địa lý dân cư Việt Nam.
- **Câu 2:** Địa lý các ngành kinh tế Việt Nam (Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản).
- **Câu 3:** Địa lý các ngành kinh tế Việt Nam (Công nghiệp, Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông, Thương mại và dịch vụ).
- **Câu 4:** Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam (Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ).
- **Câu 5:** Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam (Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ).
- **Câu 6:** Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo.

II. PHẦN KỸ NĂNG:

- Chọn và vẽ biểu đồ thích hợp dựa trên cơ sở số liệu thống kê đã cho.
- Đọc, nhận xét, phân tích và giải thích qua Atlas Địa lý, số liệu thống kê, biểu đồ,...

(Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản để làm bài thi)
